

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HUNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

Án số: 01/2020/DS - ST

Ngày 09/6/2020

Về: “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Lan Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Lê Nhung - Thư ký Tòa án

***Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:***

Bà Vũ Thị Huê - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2019/TLST-DS ngày 18/12/2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXX- ST ngày 02/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST - DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh T

**- Bị đơn:** Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T

(*Tại phiên tòa có mặt chị Ph, vắng mặt anh Th*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Chị Nguyễn Thị Ph là nguyên đơn trình bày: Từ tháng 01/2018 đến tháng 01/2019 chị và anh Phạm Văn Th sống chung như vợ chồng, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 2017 chị có cho anh Th vay tiền làm nhiều lần để anh Th son nhà và trả nợ riêng của anh, tổng số tiền chị cho anh Th vay là 77.500.000 đồng. Trong thời gian chung sống anh Th đã nhiều lần đánh đập chị và đến cuối năm 2018 chị bị tai nạn xe máy và gãy chân phải đóng đinh không đi lại được. Gia đình anh Th và anh Th đã ruồng bỏ và đuổi chị ra khỏi nhà nên chị về sống với bố mẹ đẻ chị, nhiều lần chị gọi điện yêu cầu anh Th trả tiền nhưng anh Th không trả và chị đã gửi đơn ra Ủy ban nhân dân xã Đ giải quyết. Tại buổi làm việc có mặt ông phó chủ tịch, ông cán bộ tư pháp

và ông trưởng Công an xã Đ anh Th đã nhận có vay của chị 77.500.000 đồng. Một ngày sau có mặt cán bộ xã Đ là ông phó chủ tịch xã, ông cán bộ tư pháp xã và ông trưởng Công an xã anh Th đã trả trước cho chị 30.000.000 đồng và số còn lại 47.500.000 đồng anh Th đã hứa và khất lại đến ngày 12/9/2019 sẽ mang tiền trả chị. Đến hẹn anh Th đã không trả và còn thách thức chị. Chị yêu cầu anh Th trả chị số tiền 47.500.000 đồng. Chị không yêu cầu anh Th phải trả lãi.

Anh Phạm Văn Th là bị đơn đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và H giải, giấy triệu tập. Ủy ban nhân dân xã Đ đã cử cán bộ của địa phương đi cùng Thẩm phán và thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng đến nhà anh Phạm Văn Th để ghi lời khai của anh Th và tổng đạt các văn bản của Tòa án nhưng anh Th không có ở nhà. Tòa án đã tiến hành xác minh với ông Phạm Văn H là bố của anh Th. Ông H cung cấp năm 2018, chị Nguyễn Thị Ph và anh Phạm Văn Th có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Chuyện kinh tế, tiền nong giữa chị Ph và anh Th thì gia đình ông không biết gì. Hiện nay anh Th đang đi làm ăn tự do cũng có khi ở miền Nam, cũng có khi ở miền Bắc nên hiện nay ông cũng không biết anh Th đang ở đâu. Có lần cán bộ văn thư của xã Đ có mang phong bì của Tòa án gửi cho anh Th nhưng anh Th không có ở nhà nên gia đình ông cũng không nhận.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng với quy định của pháp luật còn đối với bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, sau khi đương sự trình bày ý kiến, Tòa án xét thấy:

**[1] Về tố tụng:** Anh Phạm Văn Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Anh Phạm Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Th.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án anh Th không đến Tòa án trình bày, Tòa án đến nhà anh Th nhưng không gặp anh Th nên Tòa án không ghi được lời khai của anh Th. Qua xác minh Ủy ban nhân dân xã Đ cung cấp: Ngày 11/7/2019 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ có lập biên bản làm việc giữa chị Nguyễn Thị Ph và anh Phạm Văn Th về việc giải quyết tranh chấp tài chính

giữa chị Ph và anh Th. Tại buổi làm việc sau khi nghe chị Ph, anh Th trình bày và thống nhất nội dung thỏa thuận:

Chị Ph yêu cầu anh Th trả lại cho chị 88.000.000 đồng + 01 chỉ vàng = 92.000.000 đồng trừ đi 8 tháng tiền phường bằng 10.500.000 đồng, đưa ông ngoại 4.000.000 đồng mua xe, anh Th phải trả chị Ph 77.500.000 đồng, chị Ph trả anh Th hiện vật là 01 điện thoại, 01 bông tai và 01 dây chuyền. Anh Th đồng ý với ý kiến của chị Ph, tuy nhiên khoản tiền 30.000.000 đồng chị Ph chứng minh là đúng thì anh trả, còn lại 47.500.000 đồng anh Th hẹn sau 3 tháng kể từ ngày 11/7/2019 thì anh Th sẽ hoàn trả. Chị Ph không nhất trí sau 3 tháng mà chỉ chấp nhận sau 15 ngày kể từ ngày giải quyết, anh Th phải trả tiền cho chị.

Đến ngày 12/7/2019, anh Th và chị Ph lập giấy biên nhận tại Ủy ban nhân dân xã có sự chứng kiến của ông phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, anh Th đã giao cho chị Ph 30.000.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 6s Plus. Số tiền còn lại 47.500.000 đồng, anh Th khất trong vòng 60 ngày trở lại kể từ ngày 12/7/2019 anh Th sẽ trả đủ.

Ủy ban nhân dân xã Đ có nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và H giải, giấy triệu tập của Tòa án và cử đồng chí cán bộ văn thư đến nhà anh Phạm Văn Th giao cho anh Th nhưng anh Th không có nhà, gia đình anh Th không nhận văn bản của Tòa án, vì vậy không giao được các văn bản của Tòa án. Ngày 12/02/2020, Tòa án cùng đồng chí Công an viên đến gia đình anh Th nhưng anh Th không có ở nhà, gia đình anh Th không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, vì vậy Tòa án phải tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng. Hiện anh Th không có mặt tại địa phương xã Đ. Anh Phạm Văn Th có ký vào biên bản giải quyết vụ việc ngày 11/7/2019 và giấy biên nhận ngày 12/7/2019. Như vậy mặc dù việc vay mượn tiền giữa chị Ph và anh Th không được lập thành biên bản tuy nhiên qua các tài liệu chứng cứ chị Ph cung cấp, các biên bản được lập tại Ủy ban nhân dân xã Đ xác định có việc anh Th có vay mượn tiền chị Ph. Ngày 12/7/2019 anh Th đã trả được chị Ph số tiền 30.000.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 6s Plus. Anh Th cũng xác nhận số tiền anh chưa trả chị Ph là 47.500.000 đồng và khất trong vòng 60 ngày sẽ trả chị Ph. Khi đến hẹn, anh Th không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã thỏa thuận. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ph buộc anh Th có trách nhiệm trả lại chị Ph 47.500.000 đồng. Về lãi suất chị Ph không yêu cầu anh Th trả lãi là tự nguyện cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của chị Ph được chấp nhận nên không phải chịu án phí, anh Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Ph, anh Th có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 117; Điều 119; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26; Điều 35; Điều 39; điều 147; Điều 235; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ph yêu cầu anh Phạm Văn Th trả tiền cho chị.

Buộc anh Phạm Văn Th, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T phải trả cho chị Nguyễn Thị Ph số tiền 47.500.000 đồng.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

**3. Về án phí:** Anh Phạm Văn Th phải chịu 2.375.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị Ph 1.187.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0008268 ngày 18/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử công khai sơ thẩm có **mặt chị Ph** báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt anh Th báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- Chi cục THADS huyện Đông Hưng;
- Dương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Lan Phương**

